

MỘT SỐ LOÀI ĐỘNG, THỰC VẬT CHÍNH KHU VỰC RỪNG NGẬP MẶN VỊNH ĐÀM TRE TRÊN QUẦN ĐẢO CÔN ĐẢO (VŨNG TÀU)

HOÀNG THÙY DƯƠNG, PHẠM HỒNG PHƯƠNG,
LÊ NAM HƯNG, TRẦN THANH LAN, SIRENCO B.I.

Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga

Rừng ngập mặn (RNM) đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đất, tích tụ các chất hữu cơ, khoáng chất, chống xói mòn bờ biển và là nơi trú ngụ, sinh sản cho nhiều loài động vật. Vì vậy, việc nghiên cứu và bảo vệ rừng ngập mặn đóng vai trò vô cùng quan trọng (Vũ Đoàn Thái, 2005). Trong những năm gần đây, các nghiên cứu về rừng ngập mặn nước ta rất phong phú, tập trung vào các khu vực rừng ngập mặn cửa sông, ven biển như khu vực RNM Xuân Thủy (Nam Định), Cần Giờ (TP.HCM) (Phan Nguyên Hồng, 2004).

Hệ sinh thái rừng ngập mặn Côn Đảo mang những nét đặc trưng rất riêng của quần đảo xa bờ. Vì vậy, nghiên cứu về RNM nơi này góp phần làm phong phú thêm về cơ sở dữ liệu rừng ngập mặn Việt Nam. RNM khu vực vịnh Đầm Tre là một trong chín khu vực phân bố chính của RNM tại quần đảo Côn Đảo, đây là nơi có diện tích rừng chiếm phần lớn trong tổng diện tích RNM Côn Đảo.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu. Các loài động, thực vật khu vực RNM vịnh Đầm Tre thuộc quần đảo Côn Đảo.

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thu mẫu và định loại cây ngập mặn được thực hiện theo hướng dẫn trong cuốn “Sổ tay hướng dẫn điều tra và giám sát đa dạng sinh học - Phần phương pháp điều tra rừng ngập mặn” của WWF, 2003. Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học của nhóm động vật đáy theo “Quy phạm điều tra Tổng hợp biển” của UBKH và KTNN năm 1981. Tất cả các động vật ban đầu được cố định trong dung dịch Formalin 4% và sau đó được chuyển sang cố định bằng cồn 75°. Đo các chỉ tiêu môi trường bằng máy đo nhanh cầm tay nhiều vị trí, kết hợp với lấy mẫu phân tích tại khu thí nghiệm thực địa.

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Một số đặc điểm môi trường nước tại vịnh Đầm Tre



Hình 1: Khu vực vịnh Đầm Tre thuộc quần đảo Côn Đảo

Môi trường sống đóng một vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của động, thực vật, vì vậy, các chỉ tiêu môi trường nước được nghiên cứu để tìm ra sự khác biệt của môi trường sống khu vực RNM Đầm Tre và môi trường sống của RNM một số khu vực khác.

Bảng 1

Một số chỉ tiêu môi trường nước khu vực (thời gian đo 3-5/2011)

Ngày đo thứ	Nhiệt độ TB ngày (°C)	Độ muối TB ngày (‰)	pH TB ngày
1.	28,8	29,9	8,49
2.	26,2	29,9	8,46
3.	26,5	29,7	8,48
4.	28,8	29,8	8,43
TB	27,58	29,8	8,47

Bảng 1 cho thấy, nhiệt độ và độ muối tại khu vực khá cao. Thông thường, RNM phát triển các vùng cửa sông, ven biển như RNM quần đảo Cát Bà (Hải Phòng), độ mặn một số khu vực dao động từ 18-28‰ (Hoàng Thùy Dương, 2011). Khu vực RNM phía Bắc chịu ảnh hưởng của thời tiết đặc trưng phía Bắc nên thấp cây, tán nhỏ. Trong thời gian nghiên cứu tại khu vực vịnh Đầm Tre, độ mặn và nhiệt độ nơi này khá cao (độ mặn lên tới 29,9‰, nhiệt độ lên tới gần 30°C) cũng là nguyên nhân chi phối sự sinh trưởng và phát triển của động thực vật nơi này.

2. Đặc điểm về thực vật khu vực RNM Đầm Tre

Thực vật ngập mặn RNM Côn Đảo khoảng 32 loài (số liệu VQG Côn Đảo), tại khu vực vịnh Đầm Tre đã bắt gặp 12 loài thực vật: Đà vôi, Tra lâm vôi, Xu sung, Xu ổi, Sú đỏ, Cóc trắng, Đước đôi, Đước lai, Cui, Vẹt Dù và Đưng và bắt gặp cả Bàng phi, đây là loài mới được phát hiện, là cây chỉ thị có sự chuyển tiếp giữa hệ sinh thái san hô, cỏ biển và rừng ngập mặn. Các loài chiếm ưu thế là: Đưng (45%), Vẹt dù (19%), Sú đỏ (12%). Họ có mật độ cây cao nhất là họ Đước (1.050 cây/ha).

3. Đặc điểm về động vật khu vực RNM Đầm Tre

Đặc trưng nhất của hệ sinh thái rừng ngập mặn nơi này là dễ dàng tìm thấy Hàu *Saccostrea cucullata*. Thông thường nơi sinh sống của động vật thân mềm này chủ yếu trên đá (Hình 2), nhưng tại khu vực vịnh Đầm Tre có thể tìm thấy trên thân cây và gốc rễ của cây ngập mặn (Hình 3).



Hình 2: Hàu trên đá



Hình 3: Hàu trên gốc và rễ cây ngập mặn

Kết quả nghiên cứu trong khu vực cho thấy đã gặp khoảng 40 loài sinh vật đáy cỡ lớn, phổ biến nhất là: Chân bụng, Hai mảnh vỏ (*Clypeomorus cf. humilis*, *Theodoxus oulanensis*, *Littoraria lutea*, Tellinidaea gen. sp., Thyasiridae gen. sp. và một số loài khác), trên lá của cây ngập mặn có loài *Littoraria lutea*. Như vậy, số lượng loài sinh vật đáy tìm được tại đây là tương đối thấp.

III. KẾT LUẬN

Cây ngập mặn khu vực vịnh Đầm Tre thích nghi trong môi trường có độ mặn và nhiệt độ tương đối cao (độ mặn lên tới 29,9‰, nhiệt độ lên tới gần 30°C). Thực vật ngập mặn khu vực RNM vịnh Đầm Tre Côn Đảo gồm 12 loài, các loài chủ yếu là Đưng, Vẹt dù và Sú đỏ. Mật độ cây cao nhất thuộc về cây họ Đưng.

Sinh vật đáy khu vực nghiên cứu nghèo nàn, có khoảng 40 loài sinh vật đáy được tìm thấy tại khu vực, các loài phổ biến thuộc về chân bụng và hai mảnh vỏ. Tìm thấy sự xuất hiện của Hàu trên gốc và rễ cây ngập mặn tại khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Hoàng Thuỳ Dương và cs.**, 2011: Báo cáo Khoa học Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất Hệ thống Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam.
2. **Phan Nguyên Hồng và cs.**, 2004: Thành phần và đặc điểm của thảm thực vật vùng rừng ngập mặn huyện Giao Thủy. NXB. Nông nghiệp.
3. **WWF**, 2003: Sổ tay hướng dẫn điều tra và giám sát đa dạng sinh học.

PRELIMINARY STUDY RESULT OF CHARACTERISTIC OF MANGROVE FOREST OF DAM TRE BAY, CON DAO ARCHIPELAGO, VUNG TAU PROVINCE

HOANG THUY DUONG, PHAM HONG PHUONG,
LE NAM HUNG, TRAN THANH LAN, SIRENCO B.I.

SUMMARY

The mangrove forest of Dam Tre island has specific characteristics of mangrove forest that is far from the beach. Although there are a few of animal and plant species but there are characteristic species of mangrove ecosystems that only appear in this areas.